



Cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế toàn cầu VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TIỄN VIỆT NAM

GS.TS. Tạ Ngọc Tấn
Ủy viên Trung ương Đảng
Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh
Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Đầu tháng 11 vừa qua, nhận lời mời của Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Tạ Ngọc Tấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương làm Trưởng đoàn đã dự Hội thảo lý luận lần thứ nhất giữa Đảng ta và Đảng Cộng sản Pháp với chủ đề “Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với các nước” tại Pari. Tạp chí Đối ngoại xin trân trọng giới thiệu báo cáo đề dẫn của đồng chí Tạ Ngọc Tấn tại Hội thảo.

Cuộc hội thảo quan trọng về lý luận lần thứ nhất giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Pháp với chủ đề “Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với các nước” được tổ chức trong bối cảnh các nền kinh tế trên

thế giới đang phải nỗ lực khắc phục hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu được cho là “trăm năm mới có một lần” 2008 - 2009. Đặc biệt là các nước châu Âu vẫn đang phải chống chọi với cuộc khủng hoảng nợ công tiếp nối ngay sau đó, đe dọa đẩy kinh tế châu

Âu và thế giới vào suy thoái lần hai. Đối với các thị trường đây là thất bại to lớn, đối với các chính phủ đây là thử thách ghê gớm về lòng tin, còn đối với những người lao động thì đây là giai đoạn cực kỳ khó khăn do việc làm và phúc lợi xã hội bị cắt giảm.

Cuộc hội thảo này là dịp để các nhà lý luận của hai Đảng cùng nhau phân tích căn nguyên, đánh giá tác động, cũng như trao đổi quan điểm về các vấn đề mà cuộc khủng hoảng đặt ra cho các nước từ nhiều góc độ khác nhau. Tôi tin tưởng rằng, cuộc hội thảo sẽ làm phong phú và sâu sắc hơn nhận thức của những người cộng sản hai Đảng về một chủ đề đã, đang và sẽ còn gây tác động sâu rộng đến đời sống của những người cộng sản và lao động trên toàn thế giới, góp phần củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ truyền thống giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Pháp.

Sau đây, tôi xin trình bày một số điểm khái quát mang tính đề dẫn cho cuộc hội thảo của chúng ta hôm nay.

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu - căn nguyên và hậu quả

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bùng phát vào năm 2008 và kéo dài hơn 20 tháng đã trở thành cuộc khủng hoảng kinh tế lớn nhất và sâu sắc nhất trong vòng 75 năm qua kể từ sau cuộc Đại khủng hoảng 1929 - 1933. Bắt đầu từ cuộc đổ vỡ bong bóng tín dụng nhà đất dưới chuẩn ở Mỹ khiến hàng loạt các ngân hàng phá sản, cuộc khủng hoảng nhanh chóng lan rộng ra thị trường tài chính toàn cầu, chỉ trong vòng 12 tháng đã làm bốc hơi trên 30 nghìn tỉ đôla, tương đương 20% tổng giá trị các tài sản vốn hóa toàn cầu. Riêng hệ thống ngân hàng thế giới đã thiệt hại hơn 4 nghìn tỉ đôla. Sự sụp đổ của “khu vực kinh tế ảo” đó kéo theo khủng hoảng của “khu vực sản xuất thực”. Khủng hoảng tài chính nhanh chóng chuyển sang khủng hoảng kinh tế với tốc độ lây lan nhanh và mức độ nghiêm trọng lớn, khiến toàn bộ nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái rất mạnh với mức tăng trưởng âm 3% trong năm 2009. Không có bất cứ nền kinh tế nào thoát khỏi sự suy giảm, đặc biệt là các nền kinh tế phát triển có mức sụt giảm sâu hơn 6%. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), kim ngạch thương mại và đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trên toàn cầu cũng sụt giảm tương ứng là 11% và 30%. Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) cho biết, tỉ lệ thất

ng nghiệp trên toàn cầu trong năm 2009 lên tới 7,4% với khoảng 240 triệu người trong độ tuổi lao động mất một phần hay toàn bộ việc làm. Còn theo Liên hợp quốc, khoảng 50 - 100 triệu người trên thế giới có thể bị đẩy trở lại tình trạng nghèo đói, đe dọa việc đạt được các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG) vào năm 2015.

Trong bối cảnh đó, giải cứu hệ thống tài chính - ngân hàng, bảo đảm an sinh xã hội và phục hồi tăng trưởng kinh tế trở thành định hướng chính sách chung gắn kết tất cả các quốc gia. Các ngân hàng trung ương đồng loạt hạ lãi suất cơ bản, các chính phủ đồng thời thực hiện các gói kích thích tài khoá quy mô lớn, các định chế tài chính toàn cầu như WB và IMF được tăng cường các nguồn lực để ngăn chặn khủng hoảng lây lan, cơ chế G-20 hình thành để phối hợp hành động giải cứu kinh tế thế giới. Dưới tác động hợp lực của các gói cứu trợ tài chính và kích thích kinh tế của các quốc gia trên thế giới với tổng vốn cam kết lên tới 5% GDP toàn cầu, từ nửa cuối năm 2009, đà suy thoái kinh tế thế giới đã được chặn lại, các nền kinh tế chủ chốt tiếp đáy khủng hoảng và bắt đầu quá trình phục hồi.

Tuy nhiên, đúng như GS. Paul Krugman, người nhận Giải thưởng Nobel về kinh tế, nhận định, nền kinh tế thế giới chạm đáy nhưng không thể bật lên ngay. Cho đến nay, kinh tế thế giới vẫn không những không trở lại được quỹ đạo trước khủng hoảng, mà mất cân bằng cán cân thanh toán toàn cầu không được cải thiện, cân đối vĩ mô của các nền kinh tế quốc dân vẫn rất bấp bênh, nguy cơ một cuộc suy thoái mới vẫn lơ lửng. Sự thực là các thị trường vẫn chưa thể phục hồi hoạt động bình thường sau cú sốc suy thoái nặng nề, các động lực đầu tư và tiêu dùng vẫn trì trệ phản ánh lòng tin của giới kinh doanh và người tiêu dùng vẫn mong manh, thất nghiệp đứng ở mức rất cao, do đó các nền kinh tế vẫn phải dựa chủ yếu vào các biện pháp kích thích tiền tệ và tài khoá của các chính phủ để tránh rơi trở lại vào suy thoái lần hai.

Mặt trái của tình trạng này là sự quá tải của các chính phủ: thâm hụt ngân sách và nợ công tăng vọt tại nhiều quốc gia, buộc các chính phủ phải thực hiện chính sách thắt lưng buộc bụng, hạn chế chi tiêu công, cắt giảm các chương trình phúc lợi, bảo trợ xã hội, kéo theo hàng loạt các căng thẳng chính trị, xã hội bùng phát. Điển hình là khu vực đồng euro vừa thoát khỏi

khủng hoảng tài chính thì lại sa lầy ngay vào cuộc khủng hoảng nợ công trầm trọng chưa từng có, đẩy hệ thống ngân hàng đến bờ vực phá sản, khiến hàng loạt nền kinh tế tại đây rơi vào suy thoái lần hai. Bản thân tiến trình hội nhập của châu Âu cũng chịu sức ép chia rẽ lớn, đe dọa gây đổ vỡ.

Đã diễn ra sự phân cực lớn giữa một bên là khu vực các nền kinh tế phát triển chủ chốt như Mỹ, EU và Nhật Bản vốn trước đây đóng vai trò động lực chính của kinh tế thế giới, thì nay lại phải vật lộn với tình trạng tăng trưởng trì trệ, thất nghiệp cao, mất cân đối vĩ mô lớn, và một bên là các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil vốn trước đây chỉ nằm ở ngoại vi, chịu sự chi phối lớn của các nền kinh tế phát triển, thì nay lại phục hồi nhanh chóng, trở thành đầu tàu tăng trưởng kinh tế thế giới, thậm chí có nơi còn tăng trưởng quá nóng, khiến lạm phát tăng cao, nguy cơ đổ vỡ bong bóng nhà đất, chứng khoán. Tình trạng phân hoá nền kinh tế thế giới đã được toàn cầu hoá sâu sắc thành hai nửa với trạng thái, tốc độ vận hành khác nhau và mất cân bằng cán cân thanh toán lớn, tiềm ẩn sức phá hoại ghê gớm. Xuất hiện ngày càng nhiều các dấu hiệu tiêu cực như sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ thương mại, nguy cơ chiến tranh tiền tệ, tranh cãi về vấn đề tỉ giá giữa các đồng tiền, bất đồng về giải pháp xử lí nợ công, bùng phát các vụ kiện về thương mại... Một số hội nghị trong khuôn khổ G-20 không đạt được sự đồng thuận cao như GS. Nouriel Roubini nhận xét, dường như G-20 đang biến thành... G-0! Trong bối cảnh đó, không có gì ngạc nhiên khi cộng đồng thế giới không đạt được đồng thuận về hàng loạt các vấn đề cấp bách toàn cầu khác như thất bại của Vòng đàm phán Doha về tự do hoá thương mại, Hội nghị Thượng đỉnh toàn cầu của Liên hợp quốc về chống biến đổi khí hậu tại Durban...

Có thể nói, cuộc khủng hoảng tài chính lần này, về thực chất, không phải là một cuộc khủng hoảng chu kì đơn thuần, mà là sự bùng nổ đồng thời của khủng hoảng chu kì của chủ nghĩa tư bản với khủng hoảng cơ cấu, khủng hoảng thể chế và khủng hoảng về học thuyết phát triển kinh tế, diễn ra trong bối cảnh tự do hoá và toàn cầu hoá kinh tế đang bùng nổ, khi mà hệ thống thể chế kinh tế quốc gia và quốc tế không đủ sức để đảm nhận chức năng quản trị toàn cầu. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, khi cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới nổ

ra, các nước tư bản chủ nghĩa phát triển lại rơi vào suy thoái và lí thuyết Keynes bị coi là nguyên nhân gây ra tình trạng trên. Từ đó, chủ nghĩa tự do mới ra đời. Trên thực tế, quá trình tự do hoá kinh tế bắt đầu từ cuối thập niên 1970 - đầu thập niên 1980 với việc phổ biến mô hình tự do mới theo Thatcher Reagan học thuyết, Reaganomics đã cho phép kinh tế thế giới bước vào một giai đoạn tăng trưởng cao kéo dài nhưng lạm phát thấp. Kết thúc chiến tranh lạnh với sự sụp đổ của Liên Xô và khối Đông Âu càng tạo điều kiện cho quá trình tự do hoá kinh tế lan rộng ra qui mô toàn cầu. Về mặt vĩ mô, quá trình mở rộng thị trường chưa từng có này chính là căn nguyên cho phép ồ ạt mở rộng tiền tệ và tài khoá trong một thời gian dài mà vẫn không gây lạm phát. Nhưng về mặt vĩ mô, tự do hoá kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, đi quá các giới hạn cho phép dẫn đến việc thu hẹp vai trò định hướng, giám sát của nhà nước, dung dưỡng việc hình thành các tập đoàn tài chính xuyên quốc gia khổng lồ nhưng thiếu minh bạch, không chịu sự giám sát chặt chẽ của bất cứ ai, ngày càng tự tung, tự tác trong kinh doanh mạo hiểm. Sự sụp đổ của các tập đoàn đầu sỏ tài chính xuyên quốc gia này kéo theo sự đổ vỡ dây chuyền của thị trường tài chính toàn cầu và sự suy thoái của nền kinh tế thế giới là kết cục tất yếu của tình trạng phát triển bong bóng - một kiểu thất bại cố hữu của cơ chế kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa khi thiếu sự kiểm soát. Cuộc khủng hoảng lần này, chính vì thế, còn là sự khủng hoảng về cơ cấu và thể chế kinh tế tự do hoá đã từng rất thành công trong ba thập niên qua. Điều này giải thích vì sao về tính chất, chiều sâu, qui mô và sức công phá, cuộc khủng hoảng này có những nét tương đồng với cuộc Đại khủng hoảng 1929 - 1933, và được đánh giá là "trăm năm mới có một lần". Sẽ phải mất một số năm và những nỗ lực to lớn để nền kinh tế thế giới có thể phục hồi hoàn toàn.

Từ góc độ mô hình phát triển, cuộc khủng hoảng lần này đánh dấu sự thất bại của phiên bản cực đoan của lý thuyết tự do mới, một thứ "chủ nghĩa tự do mới chính thống", theo như cách gọi của nhà kinh tế học nổi tiếng Joseph Stiglitz. Chiếm địa vị thống trị trong khoa học kinh tế suốt ba thập niên vừa qua, các quan điểm tự do mới từng bước trở thành một kiểu giáo điều bảo thủ, được áp đặt một cách máy móc bởi một số tổ chức quốc tế. Nhưng, theo logic, một sự thiên lệch kéo dài về lí luận sớm muộn cũng dẫn đến những

méo mó, đổ vỡ trong thực tiễn. Mất cân đối nghiêm trọng về cấu trúc đã làm nảy sinh các bất cập và xung đột trong quan hệ chức năng ở tầm quốc gia, giữa cơ chế nhà nước và thị trường ở tầm quốc tế, cũng như giữa xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đó là tình trạng có quá nhiều thị trường tự do nhưng quá ít kiểm soát của nhà nước. Và khi toàn cầu hóa và tự do hóa gia tăng, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, vượt xa khả năng quản trị của các định chế hội nhập, những kẻ hở vô cùng thuận lợi cho sự gia tăng quyền năng và lợi ích của các tập đoàn đầu sỏ tài chính xuyên quốc gia sẽ xuất hiện mà về thực chất, đây là các tổ chức độc quyền mới, không chịu sự kiểm soát đầy đủ của định chế quốc gia và quốc tế, lũng đoạn hệ thống ngân hàng, chi phối cả chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia, khuếch đại các bong bóng đầu cơ đến qui mô chưa từng thấy. Căn bệnh mãn tính cũ của chủ nghĩa tư bản lại tái phát, lặp lại đúng những gì mà Keynes đã từng nhận xét vào năm 1936 rằng, “sự phát triển của tư bản trở thành một thứ phẩm của các hoạt động sòng bạc”¹. Nhận xét đầy tự tin của nhà kinh tế học theo trường phái tự do mới của Robert Lucas vào năm 2005 cho rằng “chu kì kinh tế đã chết” rốt cuộc chỉ là sự lạc quan thái quá. Rõ ràng là lí thuyết tự do mới đã đánh giá thấp những rủi ro mà sức mạnh thị trường không bị kiểm soát có thể gây ra. Niềm tin rằng thị trường càng tự do bao nhiêu, thì càng minh bạch, hiệu quả bấy nhiêu, rốt cục, chỉ là ảo tưởng. Cùng với bất bình đẳng xã hội, phá hoại môi trường, thất bại cơ bản nhất của thị trường là nuôi dưỡng tình trạng độc quyền tư nhân - những nhân tố cơ bản dẫn tới khủng hoảng kinh tế. Lời nhắc nhở gần 250 năm trước của Adam Smith về nguy cơ, “những người cùng ngành nghề hiếm khi gặp nhau, thậm chí là để vui chơi, giải trí, nhưng một khi đã gặp nhau thì cuộc chuyện trò giữa họ thường kết thúc trong âm mưu chống lại khách hàng hay một số thủ đoạn tăng giá” vẫn còn nguyên tính thời sự của nó.

Việt Nam ứng phó với tác động của khủng hoảng

Tuy không nằm ở khu vực trung tâm của cơn bão đổ vỡ tài chính thế giới và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng do mức độ hội nhập kinh tế quốc tế đã khá sâu và độ mở của nền kinh tế quốc dân đã khá lớn, nên Việt Nam cũng chịu tác động mạnh của cuộc khủng hoảng. Ngay từ năm 2007, khi các thị trường tài chính toàn cầu bắt đầu chứng lại, thì

dòng vốn đầu cơ bên ngoài đã ồ ạt đổ vào Việt Nam khiến lạm phát tăng vọt và các thị trường tài sản có dấu hiệu tăng trưởng quá nóng. Tám nhóm giải pháp kịp thời của Chính phủ Việt Nam từ tháng 3/2008 đã có tác dụng kịp thời kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, tác động của cuộc khủng hoảng đó khiến kinh tế Việt Nam suy giảm tăng trưởng gần suốt 15 tháng kể từ quý I/2008, hoạt động sản xuất, thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài, kiều hối đều giảm mạnh, thất nghiệp đối với nguy cơ bùng phát, an sinh xã hội bị đe dọa.

Trước tình hình đó, Chính phủ Việt Nam đã ban hành 5 nhóm giải pháp nhằm phục hồi tăng trưởng kinh tế, ổn định các cân đối vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội. Đặc biệt là trong khuôn khổ thực hiện 5 nhóm giải pháp này đã tiến hành 2 gói kích thích kinh tế - gói hỗ trợ lãi suất 4% cho hệ thống ngân hàng nhằm khơi thông tín dụng, hỗ trợ các doanh nghiệp, giảm chấn động cho nền kinh tế; và gói kích thích tài khóa nhằm phục hồi đà tăng trưởng - đã tạo ra bước ngoặt then chốt trong quý II/2009 đảo ngược đà suy giảm tăng trưởng, từng bước phục hồi hoạt động kinh tế. Tình trạng mất việc làm do sản xuất đình trệ từ cuối năm 2008, đặc biệt là quý I/2009 được cải thiện tương đối nhanh chóng. Thị trường lao động nhìn chung đã chứng tỏ khả năng co giãn đáng kể, chịu đựng được chấn động suy giảm kinh tế kèm theo thất nghiệp tăng mạnh từ quý IV/2008 và phục hồi khá tốt. Trong suốt thời gian suy giảm tăng trưởng kinh tế, công tác an sinh xã hội được đặc biệt coi trọng, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, công cuộc xóa đói giảm nghèo vẫn được đẩy mạnh. Việt Nam là một trong số ít nền kinh tế trên thế giới không chỉ tránh được suy thoái, mà còn phục hồi tăng trưởng tương đối nhanh. Như vậy, nếu chỉ xét trong ngắn hạn, thì theo nhận định của WB, nền kinh tế Việt Nam đã chứng tỏ sức dẻo dai, chống chọi hiệu quả với khủng hoảng, Chính phủ Việt Nam cũng đã thể hiện khả năng nhận định, phản ứng nhanh nhạy và quyết đoán.

Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng không chỉ làm sụt giảm tốc độ tăng trưởng, mà thực sự đã gây cú sốc lớn mang tính cơ cấu đối với kinh tế Việt Nam. Một là, cú sốc khủng hoảng từ bên ngoài đã làm trầm trọng hơn các mất cân đối kinh tế vĩ mô bên trong như thâm hụt ngân sách, nợ công, thâm hụt cán

cân thương mại lớn, tình trạng thiếu việc làm, giá cả mất ổn định. Bản thân việc thực hiện các biện pháp khẩn cấp nhằm ứng phó với khủng hoảng cũng kéo theo những tác động phụ nhất định. Kích thích tài khoá đẩy thâm hụt ngân sách tăng mạnh lên mức 7% - 8% trong năm 2009, cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Hỗ trợ lãi suất kích thích các ngân hàng chạy đua lãi suất huy động vốn để cho vay lại, tạo ra chênh lệch đáng kể về lãi suất giữa tín dụng trên thị trường ngoại tệ và nội tệ, làm méo mó thị trường ngoại hối. Chính sách tiền tệ và tài khoá nổi lòng cũng làm tăng nguy cơ tái lạm phát cao trong tương lai.

Hai là, cuộc khủng hoảng cũng đã làm trầm trọng hơn những bất cập, yếu kém của hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam. Thị trường chứng khoán lao dốc mạnh khiến hàng loạt công ty chứng khoán đóng cửa. Tính dễ bị tổn thương của các ngân hàng thương mại gia tăng do mức độ rủi ro mất thanh khoản trở nên trầm trọng, tỷ lệ nợ trên vốn vượt xa mức trung bình của khu vực, tình trạng nợ xấu cao chậm được cải thiện. Thị trường ngoại hối thường xuyên rơi vào trạng thái mất cân đối, căng thẳng giữa cung và cầu. Hoạt động điều tiết thị trường tài chính - tiền tệ thiếu tính dự báo, tình trạng giá cả mất ổn định luôn đối mặt với nguy cơ lạm phát hay giảm phát chưa bị đẩy lùi.

Ba là, cuộc khủng hoảng làm sâu sắc hơn những yếu kém của khu vực sản xuất. Đặc biệt là tình trạng đầu tư dàn trải, thiếu hiệu quả. Nhiều ngành có trình độ công nghệ tụt hậu so với nhiều nước trong khu vực, tập trung chủ yếu ở những công đoạn có giá trị gia tăng thấp, sử dụng lao động thiếu kĩ năng, mức độ tiêu hao nguyên liệu và năng lượng lớn, gây ô nhiễm môi trường, phụ thuộc nặng nề vào các nguồn cung đầu vào và đầu ra bên ngoài. Quản trị doanh nghiệp thiếu minh bạch, trách nhiệm giải trình thấp. Tình trạng thua lỗ và nợ nần của các doanh nghiệp bao gồm cả các doanh nghiệp của nhà nước, chất lượng hàng hóa và dịch vụ thấp, thiếu sức cạnh tranh.

Như vậy có thể thấy, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu đã làm bộc lộ rõ và trầm trọng hơn những khiếm khuyết, bất cập đã tích tụ bên trong nền kinh tế Việt Nam. Chính vì thế, để xử lý hiệu quả tác động mang tính cơ cấu của cuộc khủng hoảng trước hết cần làm rõ nguyên

nhân cơ bản của những khiếm khuyết và bất cập đó. Điều này đã được Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1/2011) và các Hội nghị Trung ương khóa XI phân tích một cách thấu đáo. Có thể tóm tắt như sau:

Thứ nhất, đó là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thiếu đồng bộ và hiệu quả. Các thị trường cơ bản như thị trường lao động, thị trường tài chính, thị trường đất đai, thị trường khoa học - công nghệ hình thành chưa đồng bộ, mất cân đối, chưa làm tốt chức năng phân bổ một cách tối ưu các nguồn lực phát triển, giá cả chưa phản ánh đúng mức độ khan hiếm tương đối của hàng hóa. Môi trường kinh doanh chưa thông thoáng và thiếu bình đẳng, tình trạng độc quyền, bất đối xứng về thông tin, cạnh tranh không lành mạnh còn khá phổ biến. Trong khi đó, hệ thống luật pháp và các quy định, thủ tục hành chính chưa đồng bộ, còn rườm rà, hiệu lực và hiệu quả còn thấp. Hoạt động điều tiết kinh tế của Nhà nước chưa thực sự linh hoạt, nhất quán và có tính dự báo, mức độ can thiệp bằng các biện pháp hành chính còn khá lớn.

Thứ hai, cơ cấu kinh tế còn bất hợp lí cả về ngành, vùng lãnh thổ và các thành phần kinh tế. Đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm. Tỷ lệ dân số làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và sống ở nông thôn còn khá cao, tương ứng là 50% và 70%. Lĩnh vực công nghiệp tập trung vào các ngành khai khoáng và gia công, lắp ráp, thiếu trầm trọng khâu trung gian là các ngành công nghiệp hỗ trợ. Lĩnh vực dịch vụ sản phẩm còn nghèo nàn, chất lượng dịch vụ còn thấp, nhất là các dịch vụ công như y tế, văn hóa, giáo dục. Mức độ liên thông, kết nối, bổ sung lẫn nhau giữa các vùng miền còn thấp, chênh lệch phát triển giữa các vùng miền còn lớn. Khu vực kinh tế nhà nước có hiệu quả thấp, chưa làm tốt vai trò chủ đạo của nền kinh tế.

Thứ ba, mô hình tăng trưởng kinh tế thiên về phát triển theo chiều rộng, dựa nhiều vào việc tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và sử dụng lao động ít kĩ năng. Các nhân tố tăng trưởng theo chiều sâu dựa trên nền tảng áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và phương thức tổ chức, quản lí tiên tiến, mức độ liên kết, phối hợp sâu sắc cho phép nâng cao năng suất lao động, hiệu suất sử dụng nguyên liệu, năng lượng, chất lượng hàng hóa và

dịch vụ, ít gây ô nhiễm môi trường và phát thải khí nhà kính, v.v. chưa được coi trọng đúng mức. Cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và đô thị, yếu kém, không đáp ứng được yêu cầu phát triển. Nguồn nhân lực chất lượng cao vừa thiếu thốn trầm trọng, vừa không được bố trí sử dụng hợp lý. Nền kinh tế có độ mở lớn, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhưng lại chủ yếu tập trung vào những phân khúc hay những công đoạn có giá trị gia tăng thấp trong chuỗi cung ứng và mạng sản xuất khu vực và toàn cầu, phụ thuộc nhiều vào các nguồn cung nguyên liệu, linh kiện đầu vào và thị trường tiêu thụ bên ngoài, do đó hiệu quả kinh tế không cao, đồng thời dễ bị tổn thương trước các biến động của nền kinh tế toàn cầu.

Những vấn đề đặt ra từ cuộc khủng hoảng và thực tiễn Việt Nam

Phần trình bày ở trên cho thấy, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu với những hệ lụy và tác động của nó đặt ra những vấn đề vừa cấp bách, vừa lâu dài đối với nền kinh tế thế giới nói chung và các nền kinh tế quốc dân nói riêng, trong đó có Việt Nam.

Từ góc độ kinh tế thế giới nổi lên hai vấn đề lớn, có ý nghĩa then chốt, liên quan chặt chẽ với nhau. Trước hết, đó là vấn đề tái cơ cấu các thể chế kinh tế quốc tế. Thực tế là các định chế kinh tế quốc tế, như: WB, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), v.v. đã tỏ ra thiếu hiệu quả trong việc cảnh báo, ngăn ngừa và xử lý cuộc khủng hoảng vừa qua. Nhiều qui định, chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, thương mại... không phát huy được tác dụng trong việc ngăn chặn các hành vi đơn phương, cơ hội, ích kỷ gây rủi ro hệ thống của một số chủ thể kinh tế thế giới. Trật tự kinh tế quốc tế sau khủng hoảng chuyển dịch mạnh sang thế đa cực với mâu thuẫn và cạnh tranh gia tăng, nhất là giữa các nước phát triển và các nước mới nổi, đòi hỏi phải có những cơ chế hợp tác mới, bảo đảm dung hòa được lợi ích của các bên. Vì vậy, một mặt phải tăng cường năng lực cho các định chế quốc tế hiện hành và thiết lập những cơ chế quản trị toàn cầu mới theo hướng tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả trong việc hóa giải nguy cơ suy thoái kinh tế thế giới lần thứ hai, phục hồi đà tăng trưởng bền vững, ngăn chặn chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch, nguy

cơ chiến tranh thương mại, chiến tranh tiền tệ, thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Mặt khác, cần sửa đổi các qui định hiện nay và ban hành các chuẩn mực quốc tế mới nhằm giới hạn các hành vi cơ hội, đầu cơ quá mức, quản trị hiệu quả các dòng vốn xuyên quốc gia, nhưng đồng thời không làm triệt tiêu sự năng động kinh tế.

Sau sự thất bại của mô hình phát triển kế hoạch hóa tập trung tại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu lần này đánh dấu sự thất bại của mô hình kinh tế thị trường xã hội kiểu châu Âu và mô hình tự do mới kiểu Anh - Mỹ. Cũng giống như cuộc Đại khủng hoảng 1929 - 1933 đã đặt lại vấn đề về lý luận và mô hình phát triển kinh tế, cuộc khủng hoảng lần này cũng đặt ra vấn đề thay đổi mô hình tăng trưởng hay mô thức phát triển kinh tế nhằm giải quyết các mâu thuẫn, cũng như những mất cân đối lớn về cơ cấu trong mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa số lượng và chất lượng tăng trưởng, giữa khu vực dịch vụ tài chính - ngân hàng và khu vực sản xuất thực. Cho dù mô hình nào sẽ nổi lên chiếm vị trí chủ đạo trong những năm tới, thì nó phải giải quyết được điểm mấu chốt nhất - đó chính là mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, cũng như giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Hàng loạt những gợi ý, đề xuất được đưa ra như mô hình tăng trưởng xanh, thuyết phát triển bền vững, phát triển con người, phát triển hài hòa. Cùng với việc tìm kiếm các mô hình phát triển mới phù hợp, sẽ diễn ra quá trình cơ cấu lại các nền kinh tế, các doanh nghiệp, ngân hàng, các chuỗi giá trị và các mạng sản xuất khu vực và toàn cầu.

Bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới đặt ra trước Việt Nam những vấn đề then chốt về đổi mới mô hình tăng trưởng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và cơ cấu lại nền kinh tế. Đây là những thách thức lớn đòi hỏi phải có những giải pháp đột phá để tạo ra sức bật, năng lực và động lực phát triển cho giai đoạn tới.

Thứ nhất, trong 10 năm tới, tiến trình phát triển của Việt Nam bước vào giai đoạn quyết định, đòi hỏi phải có sự "chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng qui mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả,

tính bền vững”². Chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhằm tạo bước nhảy vọt về trình độ công nghệ và quản lí, cải thiện vượt bậc sức cạnh tranh quốc tế, nâng cao được vị trí của nền kinh tế trong chuỗi giá trị, mạng sản xuất khu vực và toàn cầu. Mô hình tăng trưởng mới phải gắn tăng trưởng nhanh với sự phát triển bền vững cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường. Việt Nam đang bước vào một xã hội có mức thu nhập trung bình với sự thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu xã hội, định hướng giá trị, đòi hỏi phải đặt trọng tâm phát triển vào con người, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững trật tự, an toàn xã hội, củng cố đồng thuận xã hội và khối đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Đại hội lần thứ XI của Đảng xác định là một trong những khâu đột phá, mở đường cho nền kinh tế phát triển trong giai đoạn tới. Những bất cập trong mối quan hệ giữa thể chế nhà nước và thể chế thị trường, đặc biệt là trong vấn đề đất đai, công sản, gây ách tắc lớn đối với tiến trình phát triển cần phải được tháo gỡ. Tăng cường tính hiệu lực của hệ thống luật pháp, trong đó quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia thị trường từ Nhà nước, doanh nghiệp đến người lao động, người tiêu dùng phải được bảo đảm thực hiện đầy đủ. Cải cách hành chính cần được tiếp tục đẩy mạnh. Các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp, ngân hàng phải tiệm cận nhanh chóng với các qui định chung của thế giới. Sau khi hoàn tất tiến trình gia nhập WTO, Việt Nam đang tiến tới cấp độ hội nhập kinh tế sâu hơn, đòi hỏi phải hoàn thiện một cách căn bản khuôn khổ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường toàn diện năng lực ứng phó trước các tình huống khủng hoảng.

Thứ ba, vấn đề cơ cấu lại nền kinh tế đang đặt ra hết sức cấp bách. Hội nghị Trung ương 3 khóa XI của Đảng đã xác định ba hướng ưu tiên tái cơ cấu kinh tế là “cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng”³. Cơ cấu lại đầu tư nhằm đổi mới một bước căn bản cơ chế huy động, phân

bổ, quản lí các nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư công, nâng cao hiệu quả và hiệu suất sử dụng vốn, đảm bảo đầu tư theo qui hoạch, tập trung, đồng bộ, dứt điểm. Cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước nhằm tập trung sức mạnh của kinh tế nhà nước vào một số ngành, lĩnh vực then chốt, tăng cường trách nhiệm giải trình và đảm bảo công khai, minh bạch, sớm hoàn tất quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Cơ cấu lại hệ thống tài chính được thực hiện theo hướng làm mạnh hóa các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng, giải quyết vấn đề nợ xấu, hoàn thiện thể chế các thị trường tài chính theo các chuẩn mực quốc tế, trong đó đặc biệt chú trọng tăng cường các cơ chế giám sát, đánh giá và xử lí rủi ro hệ thống.

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu là cú sốc lớn làm thay đổi sâu sắc nền kinh tế thế giới và có thể cả nhận thức của chúng ta về các quy luật kinh tế cơ bản. Hội thảo giữa hai Đảng lần này sẽ đi sâu trao đổi những vấn đề lý luận mà cuộc khủng hoảng này đặt ra, cũng như những bài học rút ra từ thực tiễn của các nền kinh tế như Pháp và Việt Nam trong việc ứng phó, xử lý tác động của cuộc khủng hoảng. Hội thảo chắc chắn sẽ góp phần giúp hai Đảng tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, thắt chặt hơn nữa quan hệ hợp tác trên tinh thần đồng chí.

Xin chúc các đồng chí và các bạn sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp.🌐

1. Theo Michel Beaud, Gilles Dostaler, *Tư tưởng kinh tế từ Keynes*, Nxb, Tri thức, 2008. tr.23.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.191.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội nghị Trung ương lần thứ ba (khóa XI).